

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024.

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Võ Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 23/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích Nh , sinh năm 2000 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Kh, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Bích Nh (sau đây gọi tắt là bà Nh) trình bày:

Bà Trần Thị Bích Nh và ông Phạm Văn Kh cưới nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 11/02/2022. Trong quá trình chung sống bà Nh và ông Kh thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Bà Nh và ông Kh đã sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Bà Nh và ông Kh có 01 người con chung tên Phạm Trần Minh Thư, sinh ngày 30/12/2020, hiện bà Nh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Nh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Kh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn Kh được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Kh đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ly hôn; Giấy khai sinh Phạm Trần Minh Thư (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xác nhận nơi cư trú của ông Kh.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Văn Kh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Kh được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nh với ông Kh là hợp pháp. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử phân tích, động viên hàn gắn nhưng bà Nh kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Nh và ông Kh không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Mặt khác, bà Nh và ông Kh đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay nhưng không thể hàn gắn, cho thấy quan hệ hôn nhân nữa bà Nh và ông Kh đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Nh được ly hôn với ông Kh.

[3]. Về con chung: Bà Nh và ông Kh có 01 người con chung tên Phạm Trần Minh Thư, sinh ngày 30/12/2020. Vợ chồng ly hôn bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà Nh, Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà Nh và ông Kh ly thân đến nay bà Nh là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con

chung, cháu Thu vẫn phát triển bình thường như bao trẻ em khác, nhằm tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cháu Thu cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chung khi ly hôn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Nh không yêu cầu ông Kh phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000649 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Nh đã nộp xong.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích Nh được ly hôn với ông Phạm Văn Kh

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trần Minh Thu, sinh ngày 30/12/2020 cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng, ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Nh.

3. Về chia tài sản chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào

số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000649 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Nh đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh